

Số: /2014/TT-BXD

Hà nội, ngày tháng năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn mẫu hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (sau đây viết tắt là hợp đồng EPC), như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn mẫu hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng từ 30% vốn nhà nước trở lên, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là vốn ODA), vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của nhà nước.

2. Đối với dự án sử dụng vốn ODA, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định về hợp đồng EPC khác với quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định tại điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng EPC, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình của các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hợp đồng EPC của các dự án sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước áp dụng các quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Hướng dẫn áp dụng mẫu hợp đồng EPC

1. Mẫu hợp đồng EPC ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm hai phần:

Phần I. Các căn cứ ký kết hợp đồng

Phần II. Các điều khoản và điều kiện hợp đồng

2. Hướng dẫn áp dụng:

Thông tư này hướng dẫn mẫu hợp đồng EPC giữa chủ đầu tư (Bên giao thầu) và nhà thầu (Bên nhận thầu). Trường hợp bên giao thầu là tổng thầu, bên nhận thầu là thầu phụ, thì các bên vận dụng mẫu hợp đồng này để thực hiện.

Khi áp dụng mẫu hợp đồng kèm theo Thông tư này, các bên căn cứ quy định của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; hướng dẫn dưới đây và các quy định khác của Nhà nước có liên quan để thoả thuận trong hợp đồng.

a) ~~Đối với một~~Trong hợp đồng EPC ~~xác định~~, các bên phải thoả thuận cụ thể các nội dung sau:

- Các mốc thời gian, thời hạn liên quan đến thanh toán, quyết toán, thanh lý, bảo lãnh tạm ứng hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng;

- Thời hạn trả lời đề nghị, yêu cầu của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng EPC;

~~- Các mốc thời gian liên quan đến tạm ngừng, chấm dứt hợp đồng và các trường hợp tương tự.~~

- Cơ quan xử lý tranh chấp hợp đồng; luật, địa điểm, ngôn ngữ sử dụng trong xét xử.

~~- Các mốc thời gian liên quan đến tạm ngừng, chấm dứt hợp đồng và các trường hợp tương tự.~~

b) Nếu phạm vi và yêu cầu công việc của gói thầu cụ thể khác với phạm vi và yêu cầu công việc trong mẫu hợp đồng EPC kèm theo Thông tư này, các bên thỏa thuận điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu của gói thầu, nhưng phải phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP.

c) Trường hợp các bên thỏa thuận việc nghiệm thu sản phẩm khác với mẫu hợp đồng EPC kèm theo Thông tư này, thì các bên thỏa thuận điều chỉnh, bổ sung, nhưng phải phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP.

d) Trường hợp nhà thầu là nhà thầu liên danh, các bên thỏa thuận trong hợp đồng việc bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 207/2013/NĐ-CP.

đ) Các bên thỏa thuận mức tạm ứng phù hợp với đặc điểm, tính chất và yêu cầu của từng loại công việc hoặc có thể thỏa thuận một mức tạm ứng cho cả hợp đồng EPC và quy định tại Điều 17 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP.

e) Các bên thỏa thuận loại đồng tiền và hình thức thanh toán trong hợp đồng nhưng không được trái với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu và quy định của pháp luật về ngoại hối.

g) Tùy theo tính chất và điều kiện cụ thể của từng dự án, gói thầu mà các bên lựa chọn loại giá hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP cho phù hợp. Hợp đồng EPC có thể áp dụng một hoặc nhiều loại giá hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP nhưng phải đảm bảo điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 207/2013/NĐ-CP.

- Khi áp dụng loại giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, ~~mà mức tạm ứng hợp đồng EPC lớn hơn 10% giá hợp đồng~~, thì không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền tạm ứng hợp đồng.

- Trường hợp, hợp đồng theo giá trọn gói, đơn giá cố định thì trong giá hợp đồng phải bao gồm các khoản chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro, trượt giá trong quá trình thực hiện hợp đồng và các bên phải tự chịu trách nhiệm về các rủi ro của mình.

h) Mẫu hợp đồng này áp dụng cho loại hợp đồng trọn gói. Trường hợp áp dụng các loại giá hợp đồng khác (theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, ~~tỷ lệ~~,

theo thời gian hoặc kết hợp), thì các bên căn cứ vào các quy định của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP và Thông tư này để sửa đổi, bổ sung mẫu hợp đồng này cho phù hợp.

i) Bảo hiểm các sản phẩm của hợp đồng EPC phải được các bên thỏa thuận trong hợp đồng và do chủ đầu tư chi trả. Khuyến khích nhà thầu mua bảo hiểm cho các sản phẩm của hợp đồng EPC (khi đó phí bảo hiểm được tính vào giá hợp đồng).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... / ... /2014. Những hợp đồng đã ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không bắt buộc áp dụng các quy định của Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội;
- Toà án ND tối cao; Viện kiểm sát ND tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, TCT Nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Xây dựng;
- BXD: các Cục, Vụ, Viện, Thanh tra;
- Lưu VP, Vụ PC, Vụ KTXD(T).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Sơn